

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định một số nội dung về tổ chức, hoạt động và trách nhiệm quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng

SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG
ĐẾN Số: 0248
Ngày: 31.12.2013
Chuyên:
Lưu hồ sơ số: Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù;

Xét Báo cáo thẩm định số 04/BCTĐ-STP ngày 21/02/2013 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định một số nội dung về tổ chức, hoạt động và trách nhiệm quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng; đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2500/TTr-SNV ngày 11/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về tổ chức, hoạt động và trách nhiệm quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

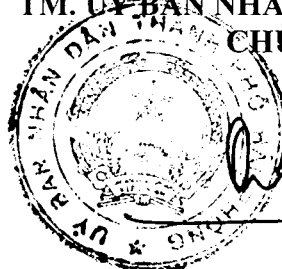
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các văn bản trước đây do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trái với quy định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn; các hội hoạt động trên địa bàn thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐNDTP;
- Đoàn Đại biểu QHHP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở TP, Công an TP;
- Như điều 3;
- PCVP, CVVPUBND TP;
- Lưu: VT, SNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



Dương Anh Điền

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về tổ chức, hoạt động và trách nhiệm quản lý nhà nước
về hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2563 /2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định một số nội dung về tổ chức, hoạt động và trách nhiệm quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan hành chính, quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng; các hội và hội có tính chất đặc thù; các tổ chức có tư cách pháp nhân hoạt động theo quy định của pháp luật về hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3. Những nội dung nằm ngoài quy định này thì thực hiện theo các quy định hiện hành về tổ chức, hoạt động và quản lý hội của pháp luật.

Điều 2. Tên gọi của hội

Tên gọi của hội bằng tiếng Việt; đảm bảo ngữ, nghĩa trong sáng của tiếng Việt; rõ tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực chính mà hội hoạt động. Không sử dụng tên trùng lặp hoặc có phần trùng lặp với tổ chức được thành lập hợp pháp trước đó. Không sử dụng tên gọi có tính chất nhạy cảm về chính trị, văn hóa-xã hội.

Điều 3. Một số nguyên tắc thành lập, giải thể, hợp nhất hội

1. Việc thành lập hội phải thực sự cần thiết phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố. Phải có trụ sở riêng để hoạt động khi đăng ký thành lập, không chấp thuận trụ sở Hội là trụ sở của cơ quan nhà nước cho thuê hoặc cho mượn khi đề nghị thành lập.

2. Hội hoạt động phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan hành chính, quản lý nhà nước chuyên ngành. Đối với hội hoạt động chưa rõ ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân thành phố giao cho một cơ quan quản lý nhà nước phù hợp thực hiện quản lý theo thẩm quyền. Không nhất thiết Trung ương có tổ chức hội thì thành phố có tổ chức hội tương ứng và thành phố có tổ chức hội thì địa phương (quận, huyện, phường, xã, thị trấn) phải có tổ chức hội tương ứng.

3. Hội hoạt động phải có Điều lệ riêng. Điều lệ hội phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 11 của Quy định này quyết định phê



duyet (trừ những hội được cơ quan Trung ương có thẩm quyền cho phép hoạt động theo Điều lệ, Quy chế hoặc quy định riêng).

4. Không thành lập hội đối với những sở thích, ngành, nghề,... mà pháp luật cấm hoặc khuyến cáo hoặc không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, văn hóa truyền thống Việt Nam; có tính chất nhạy cảm về chính trị, văn hóa-xã hội; tôn chỉ, mục đích hoạt động không rõ ràng, không thiết thực. Các tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền thành lập, hoạt động theo đúng quy định về hội thì không thành lập hội mới. Không thành lập hội ở địa phương mà Trung ương không có tổ chức đó.

5. Đối với các hội không còn đáp ứng cho yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương; nội dung hoạt động không rõ; không cần thiết phải duy trì tổ chức và hoạt động, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hội hoạt động, cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về hội xem xét báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể theo thẩm quyền quy định tại Điều 11 của Quy định này.

6. Cơ quan nhà nước quyết định thành lập hội thực hiện giải thể hội đối với một trong các trường hợp sau:

a) Không đại hội nhiệm kỳ mà không có lý do chính đáng đã được cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 11 của Quy định này cho phép kéo dài thời gian đại hội nhiệm kỳ.

b) Không báo cáo hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định (03 năm liên tiếp).

c) Không bảo đảm các điều kiện theo quy định hoặc thành lập không đúng quy định của pháp luật và quy định hiện hành.

d) Không hoạt động sau 01 năm kể từ khi thành lập.

đ) Khi có nghị quyết của hội về giải thể hội mà ban lãnh đạo hội không chấp hành.

e) Hoạt động của hội vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, vi phạm quy định về tổ chức Đại hội nghiêm trọng.

7. Đối với hội có đối tượng hội viên gần giống nhau hoặc mục đích hoạt động của các hội đều hướng đến cùng một đối tượng, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực xem xét, nghiên cứu, đề xuất hợp nhất, sáp nhập, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức lại cho phù hợp theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 4. Tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường

1. Trước khi tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường 30 ngày, ban lãnh đạo hội phải có văn bản báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 11 của Quy định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hội hoạt động. Hồ sơ báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật. 

Trường hợp hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường mà không báo cáo hoặc không được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 11 của Quy định này không phê duyệt Điều lệ hội đã được đại hội thông qua; không công nhận kết quả bầu cử ban lãnh đạo hội, đồng thời xem xét thực hiện theo khoản 5, khoản 6, Điều 3 của Quy định này.

2. Hội chỉ được tổ chức đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 11 của Quy định này. Đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường phải được tổ chức tại một địa điểm xác định. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 11 của Quy định này không thực hiện việc công nhận kết quả Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường hoặc các cuộc họp bầu ban lãnh đạo hội gián tiếp thông qua mạng Internet, điện thoại hoặc các phương tiện khác cho đến khi có quy định của pháp luật.

3. Việc thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch của hội; thay đổi trụ sở; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, hội phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 11 của Quy định này; báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hội hoạt động.

a) Số lượng Phó Chủ tịch chuyên trách không quá 02 người, căn cứ vào Điều lệ, quy mô tổ chức hội do Ban Chấp hành hội hoặc Ban vận động thành lập hội (đối với hội mới thành lập) đề nghị và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng ý.

b) Việc thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch và sửa đổi, bổ sung Điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động ở thành phố phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được ủy quyền chấp thuận; đối với hội có phạm vi hoạt động ở quận, huyện, phường, xã, thị trấn phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chấp thuận bằng văn bản.

Điều 5. Cán bộ, công chức, viên chức tham gia hội

1. Cán bộ thuộc diện Thành ủy quản lý khi thôi giữ chức vụ hoặc đã nghỉ hưu đứng ra thành lập các hội (Trường ban Ban vận động thành lập hội) và làm người đứng đầu các hội phải được Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2. Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác, khi tham gia hội phải có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, sử dụng theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

3. Nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội có sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, nếu thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Chương II

MỘT SỐ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

ĐỐI VỚI HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ

Điều 6. Hội có tính chất đặc thù

Hội có tính chất đặc thù hoạt động trên địa bàn thành phố là hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định tại Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù. Không nhất thiết Trung ương có hội có tính chất đặc thù thì thành phố có hội có tính chất đặc thù, thành phố có hội có tính chất đặc thù thì quận, huyện, phường, xã, thị trấn có hội có tính chất đặc thù. Việc xác định hội có tính chất đặc thù ở cấp huyện, cấp xã chỉ thực hiện khi có quy định hướng dẫn của Trung ương.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của hội có tính chất đặc thù

Các hội có tính chất đặc thù thực hiện quyền, nghĩa vụ chung của các hội theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 và thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ.

Điều 8. Cơ chế, chính sách của thành phố đối với hội có tính chất đặc thù

1. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ của thành phố:

Căn cứ khả năng ngân sách của thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét hỗ trợ kinh phí phù hợp với điều kiện cân đối ngân sách của thành phố đối với các hội có tính chất đặc thù do Ủy ban nhân dân thành phố xác nhận theo quy định; bảo đảm kinh phí khi thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí hỗ trợ của quận, huyện, phường, xã, thị trấn:

Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét hỗ trợ kinh phí hợp lý đối với hội được Ủy ban nhân dân thành phố công nhận là hội có tính chất đặc thù hoạt động trên địa bàn quận, huyện (nếu có) và hỗ trợ kinh phí đối với hội có tính chất đặc thù ở phường, xã, thị trấn (nếu có).

Điều 9. Chế độ, chính sách của thành phố đối với người làm công tác chuyên trách tại hội có tính chất đặc thù

1. Công chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động, luân chuyển về làm công tác chuyên trách, giữ chức danh lãnh đạo chủ chốt (Chủ tịch, Phó Chủ tịch) tại hội có tính chất đặc thù vẫn xác định là công chức; chế độ, chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật về công chức.

Đối với cán bộ, viên chức được điều động, luân chuyển về hội có tính chất đặc thù làm công tác chuyên trách; những người được tiếp nhận, tuyển dụng như viên chức theo quy định trong chỉ tiêu biên chế được giao (Sở Nội vụ thẩm định trước khi tiếp nhận hoặc tuyển dụng) tại các hội có tính chất đặc thù được hưởng lương và các chế độ như viên chức.

2. Ngoài chỉ tiêu biên chế và định mức lao động được giao, những người do hội hợp đồng lao động hưởng tiền công theo thỏa thuận do hội tự chịu trách nhiệm chi trả.



3. Những người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại hội không quá 2 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp và không thuộc đối tượng biên chế, định mức lao động, được hưởng chế độ thù lao như sau:

a) Chức danh lãnh đạo chuyên trách là người đã nghỉ hưu tại các hội có tính chất đặc thù được hưởng thù lao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoạt động chuyên trách (số lượng theo quy định tại khoản 3, Điều 4 của Quy định này). Mức thù lao của người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách đứng đầu hội thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; các chức danh còn lại do hội tự quy định trong nguồn kinh phí đã hỗ trợ cho hội hoạt động, bảo đảm tương quan nội bộ, công khai, dân chủ, minh bạch, thấp hơn mức thù lao của người đứng đầu và phù hợp với Điều lệ hoạt động của hội.

b) Việc hưởng chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại hội có tính chất đặc thù không quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp.

Điều 10. Trách nhiệm của hội có tính chất đặc thù

1. Định kỳ hàng năm, báo cáo tình hình hoạt động, sử dụng biên chế, lao động và kinh phí về Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan quản lý nhà nước về hội và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo quy định.

2. Trong trường hợp có sự điều chỉnh về thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, các hội có tính chất đặc thù lập hồ sơ điều chỉnh (tăng hoặc giảm) liên quan đến kinh phí, lao động gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI

Điều 11. Thẩm quyền cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt Điều lệ hội; cho phép hội đặt Văn phòng đại diện; cho phép các tổ chức trực thuộc hội có phạm vi hoạt động cả nước được hoạt động trên địa bàn thành phố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chủ trương cho phép thành lập hội và quyết định thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt Điều lệ, tổ chức Đại hội, công nhận các chức danh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch của các hội có tính chất đặc thù có phạm vi hoạt động trong thành phố và quận, huyện; cho phép các tổ chức thuộc hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh đặt Văn phòng đại diện, Chi nhánh hoạt động trên địa bàn thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được phân công phụ trách lĩnh vực quyết định thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt Điều lệ Hội, tổ chức Đại hội, công nhận chức danh Chủ tịch hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong thành phố thuộc lĩnh vực phụ trách (trừ hội có tính chất đặc thù); quyết định thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể, đổi tên hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện thuộc lĩnh vực phụ trách (trừ hội có tính chất đặc thù).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên hội đối với các hội có phạm vi hoạt động trong, phường, xã, thị trấn; chấp thuận tổ chức đại hội, phê duyệt Điều lệ, công nhận chức danh Chủ tịch hội đối với các hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện (trừ hội có tính chất đặc thù) và hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã, thị trấn.

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nội vụ:

a) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, theo dõi, tổng hợp chung hoạt động của các hội trên địa bàn thành phố.

b) Trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đối với các hội theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 11 của Quy định này.

c) Hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ quản lý hội đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hội; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hội...

d) Thẩm định nhân sự lãnh đạo đối với các hội có phạm vi hoạt động ở thành phố, hội có tính chất đặc thù ở quận, huyện trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

đ) Thực hiện công tác quản lý Nhà nước đối với các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn thành phố:

- Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý các chức danh lãnh đạo chủ chốt của hội do Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công nhận; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách theo quy định;

- Trực tiếp quản lý, hướng dẫn chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức được điều động bố trí công tác tại hội; quyết định tiếp nhận, tuyển dụng, điều động cán bộ, công chức, viên chức tại các hội có tính chất đặc thù; thỏa thuận việc hợp đồng lao động và xếp lương đối với lao động hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế.

e) Tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động của hội, công tác quản lý hội trên địa bàn thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nội vụ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

g) Chủ trì phối hợp với các ngành, các cấp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Trung ương, của thành phố về hội.

2. Sở Tài chính:

a) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính đối với hội có phạm vi hoạt động trong thành phố, hướng dẫn, chỉ đạo các Phòng Tài chính-Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện quản lý về lĩnh vực tài chính đối với các hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn.

b) Hướng dẫn hội hoàn thiện hồ sơ, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định về việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách thành phố cho hội có

hoạt động gắn với nhiệm vụ của thành phố giao; việc quản lý sử dụng tài sản, tài chính của hội; quản lý tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho hội theo quy định.

c) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực quản lý tài chính đối với các hội theo phân cấp.

d) Đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ, chính sách và hoạt động đối với các hội có tính chất đặc thù theo quy định.

đ) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố việc cấp kinh phí của thành phố cho các hội, các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn thành phố hàng năm.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cho phép các hội thực hiện việc tiếp nhận viện trợ của các cá nhân, tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện đối ứng trong kế hoạch ngân sách của thành phố đối với những hội được cam kết viện trợ của bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách; quản lý tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho hội theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính xây dựng văn bản hướng dẫn các hội thực hiện quy trình, thủ tục, hồ sơ về việc lập hồ sơ, đề án xin tiếp nhận viện trợ của các cá nhân, tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tổ chức việc giám sát, kiểm tra tình hình tiếp nhận viện trợ phi Chính phủ cho các hội.

4. Công an thành phố:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực an ninh trật tự đối với các hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố; thực hiện giải quyết thủ tục làm con dấu, đăng ký mẫu dấu của hội được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Quy định này; rà soát, sửa đổi dấu của các tổ chức hội khắc không đúng tên hội theo quyết định cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền; thu hồi dấu các tổ chức, các hội thành lập không đúng quy định của pháp luật hoặc các tổ chức, các hội đã có quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

5. Các sở, ban, ngành:

a) Thực hiện thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn các hội thuộc ngành, lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Công nhận hoặc không công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong thành phố thuộc ngành, lĩnh vực quản lý sau khi có chủ trương

cho phép hoặc không cho phép thành lập hội trên địa bàn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 11 của Quy định này (nếu không công nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do). Theo dõi quá trình vận động thành lập hội, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn hội chuẩn bị các nội dung tổ chức đại hội thành lập hội, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường theo quy định; có ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) về sự cần thiết thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt Điều lệ hội theo quy định và phân cấp quản lý hội.

c) Hướng dẫn, tạo điều kiện để hội tham gia thực hiện một số nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý của ngành phù hợp với điều kiện và khả năng của hội. Cung cấp thông tin cần thiết về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, về quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển ngành, lĩnh vực để các hội tham gia phát triển kinh tế-xã hội của thành phố.

d) Thẩm định nội dung các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện của các hội theo ngành, lĩnh vực quản lý; đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao cho hội thực hiện những nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, phù hợp với hoạt động của hội và đề xuất việc hỗ trợ kinh phí đối với các hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

đ) Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các cơ quan liên quan thẩm định, xem xét, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) cho phép hội có phạm vi hoạt động tại địa phương được nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

e) Hướng dẫn nghiệp vụ quản lý nhà nước về hội theo ngành, lĩnh vực cho phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện.

g) Giải quyết, trả lời các đề nghị, kiến nghị của hội theo qui định pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội hoạt động theo lĩnh vực quản lý.

h) Thu thập ý kiến của hội tham gia đóng góp với Đảng, Nhà nước, thành phố trong quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách, nhiệm vụ công tác của ngành.

i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tổ chức và hoạt động của hội theo ngành, lĩnh vực quản lý đề nghị thi đua, khen thưởng, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật đối với hội thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

k) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý các hội hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hàng năm.

6. Ủy ban nhân dân quận, huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện:

a) Thực hiện quản lý nhà nước đối với hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện, trong phường, xã, thị trấn; thực hiện thẩm quyền theo quy định tại Điều 11 của Quy định này. 

b) Xét công nhận hoặc không công nhận Ban vận động thành lập hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện, phường, xã, thị trấn sau khi có ý kiến của các cơ quan liên quan và chủ trương cho phép hoặc không cho phép thành lập hội trên địa bàn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 11 của quy định này (nếu không công nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do).

c) Giám sát quá trình vận động thành lập hội và phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn hội chuẩn bị các nội dung tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường theo quy định; có ý kiến bằng văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) về việc cho phép thành lập đối với hội hoạt động trong phạm vi quận, huyện.

d) Phối hợp với Sở Tài chính căn cứ tình hình ngân sách địa phương hỗ trợ các hội có tính chất đặc thù; quyết định giao cho hội thực hiện các nhiệm vụ của địa phương phù hợp với chức năng của hội và hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao từ ngân sách theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với sở Ngoại vụ, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xem xét, đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) cho phép hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện, xã, phường, thị trấn được nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

e) Cung cấp thông tin cần thiết về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, về quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và tạo điều kiện thuận lợi để các hội tham gia phát triển kinh tế-xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh góp phần giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

g) Thu thập ý kiến của hội tham gia đóng góp với Đảng, Nhà nước, thành phố trong quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách, nhiệm vụ công tác của địa phương.

h) Giải quyết, trả lời các đề nghị, kiến nghị của hội theo quy định của pháp luật và thẩm quyền được ủy quyền, phân cấp; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội hoạt động trên địa bàn.

i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức, hoạt động của hội trên địa bàn; khen thưởng; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật đối với hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện, trong phường, xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.

k) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý các hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn, chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm.

7. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn:

a) Quản lý việc hoạt động của hội trên địa bàn đúng pháp luật, có hiệu quả.

b) Chỉ đạo việc vận động thành lập hội đúng quy định của pháp luật và phối hợp với Ban vận động thành lập hội chuẩn bị nhân sự lãnh đạo chủ chốt của hội; 

đề xuất bằng văn bản với Ủy ban nhân dân quận, huyện về việc cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, công nhận chức danh Chủ tịch hội và phê duyệt Điều lệ hội hoạt động trên địa bàn.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra tổ chức, hoạt động của hội trên địa bàn; xét thi đua, khen thưởng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, vi phạm về hội đối với hội hoạt động trên địa bàn.

d) Cung cấp thông tin cần thiết về chính sách, pháp luật của nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi để các hội trên địa bàn tham gia phát triển kinh tế-xã hội.

đ) Thu thập ý kiến của hội tham gia đóng góp với Đảng, Nhà nước và thành phố trong quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách, nhiệm vụ công tác của địa phương.

e) Giải quyết, trả lời các đề nghị, kiến nghị của hội theo quy định của pháp luật và thẩm quyền được phân cấp; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội hoạt động trên địa bàn.

g) Tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động của hội, công tác quản lý hội đối với hội hoạt động trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân quận, huyện (qua phòng Nội vụ) trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

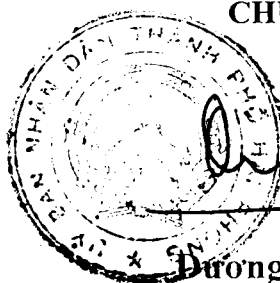
Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn có trách nhiệm rà soát, kiểm tra tổ chức và hoạt động của các hội thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; hướng dẫn các hội thực hiện theo đúng Quy định này; các hội hoạt động trên địa bàn thành phố có trách nhiệm rà soát tổ chức bộ máy, nội dung Điều lệ, đối chiếu với Quy định này và các quy định của pháp luật liên quan, thông qua Đại hội nhiệm kỳ gần nhất hoặc Đại hội bất thường trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; tổng hợp những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Quy định này, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Đương Anh Điền